| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 09-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tạ Thị Nhàn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Dương Đình Tuấn

Bà Hà Thị Hồng Thu.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 53/2022/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2023, Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/2023/TB-TA ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T. Địa chỉ: ABC, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông TNB - Tổng giám đốc. Địa chỉ: EFG, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty C. Địa chỉ: HIK, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông DMC. Địa chỉ: LMN, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-9-2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng mua bán hàng hóa số 19/HĐMB/2018/HP-MC ngày 04-7-2018, công ty TNHH MTV C đã mua vật liệu xây dựng với Công ty TNHH T. trong quá trình mua bán hàng hóa hai bên đều có sổ theo dõi công nợ, cụ thể lập Biên bản đối chiếu khối lượng ngày 15-10-2018, Biên bản đối chiếu công nợ ngày

24-6-2020. Căn cứ Biên bản đối chiếu khối lượng ngày 15-10-2018 thì phía Công ty C còn thiếu nợ tiền hàng với Công ty T là: 85.608.000đồng. Ngày 24-6-2020 Công ty C và Công ty T ký Biên bản đối chiếu công nợ với nội dung tính đến hết ngày 30-5-2020 Công ty C còn nợ Công ty T số tiền 85.608.000 đồng. Sau khi chốt nợ xong, phía Công ty C hứa sẽ thanh toán, tuy nhiên từ đó đến nay phía Công ty C không thực hiện việc thanh toán cho Công ty T. Từ năm 2018 trở đi, hàng năm Công ty C đều cử người đại diện đến gặp gỡ trao đổi yêu cầu Công ty C trả nợ, tuy nhiên Công ty C chỉ hứa hẹn chứ không thanh toán tiền cho Công ty T. Nay Công ty T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc công ty C do ông DMC làm giám đốc phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 117.582.000đồng. Trong đó nợ gốc là 85.608.000đồng; nợ lãi là 31.974.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt người đại diện trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về phần nợ gốc, đối với nợ lãi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng không tống đạt được do đó Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Ngày 22-02-2023 Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông DMC là người đại diện theo pháp luật của Công ty C, ông DMC có ý kiến như sau: Công ty C cam kết trả nợ cho Công ty T theo quy định.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 03-01-2023, ông ĐKH trình bày: Ông làm kế toán của Công ty T từ năm 2010 đến nay, quá trình Công ty T và Công ty C ký kết hợp đồng do lãnh đạo các công ty thực hiện, ông chỉ tham gia các lần đối chiếu công nợ. Ông cam đoan các lần đối chiếu, ký kết công nợ là đúng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Việc ký kết hợp đồng giữa Công ty T và công ty C, không ai bị ép buộc, hợp đồng đã thực hiện phù hợp với quy định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357, 430, 431, 433, 434, 435, 436, 440, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty C phải trả cho Công ty T số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09-3-2023) là 125.080.500 đồng, trong đó: Nợ gốc là 85.608.000 đồng; lãi chậm thanh toán là 39.472.500 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty T. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty T và Công ty C đều là các pháp nhân có đăng ký kinh doanh và hoạt động vì mục đích lợi nhuận, hai Công ty đã cùng ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 19/HĐMB/2018/HP-MC ngày 04-7-2018. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - Công ty C có trụ sở tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tại Điều 7 của Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu "…Nếu khó khăn trở ngại đó hai bên vẫn không tự giải quyết được thì buộc sự việc phải được đưa ra tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để giải quyết theo quy định", việc thỏa thuận này trái với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

[2] Phiên tòa mở lần thứ hai, đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nội dung của Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty T và Công ty C thể hiện, Công ty T bán cho Công ty C các sản phẩm đá vật liệu xây dựng, cát nhân tạo. Đơn giá sản phẩm gồm:

[3.1] Đá 20x40 có giá 90.000đồng/$m^3$ x 192$m^3$;

[3.2] Đá hộc 120.000đồng/$m^3$ x 167$m^3$;

[3.3] Đá Basse 90.000đồng/$m^3$ x 1.500$m^3$;

[3.4] Đá Subase 80.000đồng x 5000$m^3$;

[3.5] Đá Subase (KTC) 54.000đồng/$m^3$ x 2000$m^3$;

[3.6] Cát nhân tạo (0-3) 180.000đồng/$m^3$ x 1.500$m^3$;

[3.7] Cát nhân tạo (0-5) 180.000đồng/$m^3$ x 1.500$m^3$.

[3.8] Phương thức thanh toán là trả chậm mỗi tháng trả 200.000.000 đồng, trả vào trước ngày mùng 05 hàng tháng.

[4] Như vậy, Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của các Điều 430, 431, 433, 434, 435, 436, 440 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 24 Luật Thương mại do đó Hợp đồng có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết, bên bán là Công ty T đã bán cho Công ty C số lượng và chất lượng đảm bảo theo yêu cầu, cụ thể, căn cứ biên bản đối chiếu khối lượng ngày 15-10-2018, Công ty T đã giao cho Công ty C khối lượng hàng hóa gồm:

[5.1] Đá hộc 120.000đồng/$m^3$ x 144$m^3$ = 17.280.000 đồng;

[5.2] Đá Subase 80.000đồng x 792$m^3$ = 63.360.000 đồng;

[5.3] Đá Subase (KTC) 54.000đồng/$m^3$ x 12$m^3$ = 648.000 đồng;

[5.4] Cát 0-3 180.000đồng/$m^3$ x 24$m^3$m = 4.320.000 đồng.

[5.5] Tổng giá trị hàng hóa mà Công ty T đã giao cho Công ty C là 85.608.000 đồng.

[5.6] Ngày 24-6-2020 hai công ty đã ký Biên bản đối chiếu công nợ với nội dung Công ty C còn nợ tiền hàng Công ty T tính đến hết ngày 30-5-2020 là 85.608.000 đồng.

[5.7] Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C không có khiếu nại hay phản hồi gì về chất lượng, số lượng hàng hóa mà Công ty T đã giao. Sau khi ký Biên bản đối chiếu công nợ, Công ty C chưa thanh toán được tiền hàng đã mua cho Công ty T. Như vậy, từ ngày 31-5-2020, Công ty C còn nợ Công ty T số tiền là 85.608.000 đồng (căn cứ số liệu tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 24-6-2020). Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T, do đó, việc Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Ngoài tiền nợ gốc chưa thanh toán, Công ty C còn phải trả nợ lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán. Thời điểm Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty T được tính từ ngày 31-5-2020, đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09-3-2022, số ngày chậm thanh toán là 1.012 ngày. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty C phải thanh toán lãi đối với số tiền chậm trả là có căn cứ chấp nhận.

[7] Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, thì lãi chậm thanh toán được xác định là lãi suất quá hạn trung bình. Tòa án đã xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn thành phố Lạng Sơn (gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (15,4%), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (18%), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (16,5%) – Chi nhánh Lạng Sơn) là 16,63%/năm, tương đương 0,000456%/ngày. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu trả lãi chậm thanh toán lãi suất 10%/năm, tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật. Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu thấy, tại Hợp

đồng mua bán hàng hóa không có điều khoản quy định về lãi. Vì vậy, việc tính lãi được xác định theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cụ thể: 85.608.000 đồng x 0,000456%/ngày x 1.012 ngày = 39.472.500 đồng (đã làm tròn). Tổng số tiền gốc và lãi mà Công ty C phải trả Công ty T là 85.608.000 đồng + 39.472.500 đồng = 125.080.500 đồng.

[8] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên Công ty T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.940.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001114 ngày 18-11-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn Công ty C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền đã làm tròn là 6.254.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, 430, 431, 433, 434, 435, 436, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại;

Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T,

1. Buộc Công ty C phải trả Công ty T số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09-3-2023) là 125.080.500 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 85.608.000 đồng (tám

mươi lăm triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng); lãi chậm thanh toán là 39.472.500 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Nguyên đơn Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.940.000 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001114 ngày 18-11-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn Công ty C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.254.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CC THADS TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Nhàn**